TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 236/2023/DS-PT Ngày 26 - 4 -2023 V/v: Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất.	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

Các Thẩm phán: Ông Tô Chánh Trung

Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Minh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh: Bà Phạm Thị Thanh Hoa - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm trực tuyến, công khai vụ án dân sự thụ lý số 431/2022/TLPT-DS ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc "*Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 535/2023/QĐ-PT ngày 17 tháng 03 năm 2023. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2022/DS-PT ngày 14 tháng 7 năm 2022 của Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Phiên tòa được tiến hành tại 02 điểm cầu: điểm cầu trung tâm là Phòng xét xử trực tuyến của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; Điểm cầu thành phần là Phòng xét xử trực tuyến của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự tham gia phiên tòa:

1. Nguyên đơn: Ông Lý Văn Đ, sinh năm 1978; Dân tộc: Hoa (có mặt).

Địa chỉ: Số 138, đường N, khóm 1, phường X, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn :

2.1. Bà Lý Bửu N, sinh năm 1946 (có mặt).

Bị đơn Ngọc ủy quyền cho con gái tên: Lâm Tuyết L, sinh năm 1993; (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 137Đ, đường N, khóm 1, phường X, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

2.2. Ông Lý Văn P, sinh năm 1950 (vắng mặt).

Ông P ủy quyền cho con trai tên: Lý Văn U, sinh năm 1979; Dân tộc Hoa, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án (có mặt).

Cùng địa chỉ: Số 137D, đường N, khóm 1, phường X, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

2.3. Ông Lý Văn H, sinh năm 1966 (vắng mặt).

Ông H ủy quyền cho con gái tên: Lý Thu N1, sinh năm 1991; Dân tộc Hoa, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án (có mặt).

Cùng địa chỉ: Số 138G, đường N, khóm 1, phường X, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

3. *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

31. Bà Lâm Thị U1, sinh năm 1925. Địa chỉ: Số 138, đường N, khóm 1, phường X, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (Bà U1 là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi theo Quyết định giải quyết việc dân sự số 02/2020/QĐST-VDS, ngày 08/5/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu).

Người giám hộ của bà Lâm Thị U1 do Tòa án chỉ định: Ông Lý Văn Đ, sinh năm 1978. Địa chỉ: Số 138, đường N, khóm 1, phường X, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng là nguyên đơn trong vụ án (có mặt).

3.2. Bà Lý Tuyết T, sinh năm 1952 (vắng mặt).

Bà T ủy quyền cho chồng là ông: Huỳnh T4, sinh năm 1964; Dân tộc: Hoa (có mặt).

Cùng địa chỉ: Số 137G, đường N, khóm 1, phường X, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (theo văn bản ủy quyền ngày 06/01/2020).

3.3. Ông Lý Văn H (V Hao Ly), sinh năm 1959.

Địa chỉ: 632 Wildgrass RD M, ON, L5B 4J1, Canada (vắng mặt).

3.4. Bà Lý Tú N2 (N2 Tu Ly), sinh năm 1969 (vắng mặt)

Địa chỉ: 307 W Ward Ave APT A High Point NC 27260 - 8031, Hoa Kỳ (vắng mặt)

Ông H và bà N ủy quyền cho em trai tên: Lý Văn Đ, sinh năm 1978. Địa chỉ: Số 138, đường N, khóm 1, phường X, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

3.5. Ông Lý Văn S, sinh năm 1970; Dân tộc: Hoa (có mặt).

Địa chỉ: Số 137H, đường N, khóm 1, phường X, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

3.6. Bà Lý Cẩm V, sinh năm 1972; Dân tộc: Hoa và chồng tên Huỳnh Văn T3, sinh năm 1974; Dân tộc: Kinh (có mặt).

Cùng địa chỉ: Số 138, đường N, khóm 1, phường X, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

3.7. Bà Châu Mỹ N3, sinh năm 1957 (vắng mặt) và các con tên: Lý Tuyết L1, sinh năm 1977 (vắng mặt); Lý Văn U, sinh năm 1979 (có mặt); Lý Kết T1, sinh năm 1982 (vắng mặt) và Lý Thành L2, sinh năm 2000 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 137D, đường N, khóm 1, phường X, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

3.8. Chị Lý Thu N1, sinh năm 199; Dân tộc: Hoa (có mặt) và em trai tên Lý Phước T2 (Lý Văn P), sinh năm 1994 (vắng mặt) và Lý Phước L3 (Lý Văn L3), sinh năm 1996 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 138G, đường N, khóm 1, phường X, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

Người kháng cáo: Bị đơn - ông Lý Văn P.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn – ông Lý Văn Đ và trình bày của ông Đ trong suốt quá trình tham gia tố tụng như sau:

Cha của ông Đ có tên Lý N4 (chết ngày 07/01/2013) và mẹ ông Đ là Lâm Thị U1 (hiện đang còn sống). Cha mẹ ông Đ có 09 người con gồm: 1- Lý Bửu N; 2- Lý Văn P; 3- Lý Tuyết T; 4- Lý Văn H; 5- Lý Văn H; 6- Lý Tú N2; 7- Lý Văn S; 8- Lý Cẩm V; 9- Lý Văn Đ. Ngoài ra, cụ N4 và cụ U1 không có con riêng hay con nuôi nào khác. Cụ N4 không có người vợ nào khác ngoài cụ U1. Cha mẹ của cụ N4 đều đã chết. Cụ N4 chết không để lại di chúc.

Cha mẹ ông có tạo lập được tài sản là diện tích đất 19.942,2m^2, loại đất trồng cây hàng năm (HNK), thuộc thửa số 174, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại khóm 6, phường 1, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng, đã được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Vĩnh Châu (nay là thị xã Vĩnh Châu) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng (CNQSD) đất số AĐ 828764 ngày 05/9/2006 cho cha mẹ cùng đứng tên. Toàn bộ diện tích đất 19.942,2m^2 này là tài sản chung của cha mẹ, nên sau khi cha chết thì ½ diện tích đất này, tương ứng 9.971,1m^2 là di sản thừa kế của cha.

Hiện nay mẹ ông đã già yếu, bị lẫn, sức khỏe rất yếu nên các anh chị em của ông có nguyện vọng được chia di sản thừa kế của cha ông để lại, nhưng trong 09 anh chị em thì có 03 người không đồng ý chia đó là bà N, ông P và ông H. Vì vậy, không thể họp gia tộc để tự thỏa thuận phân chia di sản thừa kế. Ông H và bà Tú N2 ở nước ngoài cũng đồng ý chia di sản thừa kế nên đã làm giấy ủy quyền cho ông. Vụ việc tranh chấp đã được UBND phường 1, thị xã Vĩnh Châu tiến hành hòa giải nhưng hòa giải không thành.

Toàn bộ diện tích đất 19.942,2m^2 là đất ruộng do các anh chị em của ông trực tiếp quản lý, sử dụng từ trước đến nay, không cầm cố, sang nhượng, thế chấp cho ai. Trước đây những người trực tiếp quản lý, sử dụng đất gồm có ông (khoảng gần 9.000m^2), ông P (khoảng 3.000m^2), ông H (khoảng 3.000m^2) và một phần đất trống khoảng hơn 4.000m^2. Từ năm 2019 đến nay do có tranh chấp nên đất bỏ trống. Trên đất hiện có 01 căn nhà do bà V xây dựng nhưng chưa xong. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông đang giữ.

Nay ông Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Chia di sản thừa kế của cha ông chết để lại là diện tích đất 9.971,1m^2 (theo đo đạc thực tế là 9.865,7m^2), loại đất trồng cây hàng năm (HNK), thuộc thửa số 174, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại khóm 6, phường 1, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng thành 10 kỷ phần thừa kế bằng nhau cho 10 người thừa kế của cha ông gồm: Mẹ tên Lâm Thị U1 và các con tên: Lý Bửu N, Lý Văn P, Lý Tuyết T, Lý Văn H, Lý Văn H, Lý Tú N2, Lý Văn S,

Lý Cẩm V và Lý Văn Đ được hưởng thừa kế bằng hiện vật là quyền sử dụng đất, mỗi người hưởng 01 kỷ phần như nhau.

Các bị đơn bà Lý Bửu N, ông Lý Văn P và ông Lý Văn H trình bày: Các bị đơn thừa nhận nguyên đơn – Lý Văn Đ trình bày về cha mẹ, các anh chị em trong gia đình và tài sản chung của cha mẹ là đúng sự thật. Các bị đơn thừa nhận cha là cụ Lý N4 chết không để lại di chúc.

Các bị đơn cho rằng mẹ là cụ Lâm Thị U1 đã lớn tuổi và không còn minh mẫn. Vì vậy, các bị đơn yêu cầu chia thừa kế toàn bộ tài sản của cha mẹ là quyền sử dụng đất tại thửa số 174, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại khóm 6, phường 1, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng cho các anh em trong gia đình.

Các bị đơn cho rằng mỗi bị đơn có đóng 01 cây nước trên phần đất nguyên đơn Đẹt đang yêu cầu chia thừa kế, các bị đơn yêu cầu được sử dụng ngay vị trí có cây nước của mình. Nếu các người anh chị em khác được chia thừa kế phần đất có cây nước của các bị đơn, thì phải trả gia trị bằng tiền là 10.000.000đ một cây nước.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông Lý Văn P yêu cầu Tòa án xem xét chia phần thừa kế cho bị đơn Phúc nhiều hơn những người thừa kế khác, vì bị đơn - ông P là con trai lớn có nhiều công sức đóng góp trong gia đình. Đồng thời người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn là ông P và ông H không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết việc cha mẹ ông tặng cho quyền sử dụng đất đối với phần đất họ đã sử dụng trước đây, cũng như phần đất của cha mẹ vào tập đoàn sau đó tập đoàn chia cho các bị đơn sử dụng.

Nguyên đơn - ông Lý Văn Đ là người giám hộ theo chỉ định của Tòa án đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lâm Thị U1 trình bày: Thống nhất với phần trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Lý Văn Đ.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lý Tuyết T (do ông Huỳnh T4 là người đại diện theo ủy quyền), ông Lý Văn S, bà Lý Cẩm V và ông Lý Văn Đ là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Văn H (V Hao Ly) và bà Lý Tú N2 (N2 Tu Ly) trình bày: Các ông bà thừa nhận nguyên đơn – ông Đ trình bày về cha mẹ, các anh chị em trong gia đình và tài sản chung của cha mẹ là đúng sự thật. Các ông bà thừa nhận cha là cụ Lý N4 chết không để lại di chúc. Các ông bà đồng ý chia thừa kế theo ý kiến của nguyên đơn – Lý Văn Đ.

Bà V yêu cầu được nhận phần đất thừa kế ngay vị trí căn nhà của bà và chồng bà là ông Huỳnh Văn T3 đang xây dựng nhưng chưa xong.

Ông S và người đại diện theo ủy quyền của bà T đồng ý nhận phần đất thừa kế sau khi các anh chị em trong gia đình đã nhận các phần thừa kế của họ.

Ông Đ yêu cầu được trực tiếp sử dụng thừa kế phần đất của ông H và bà Tú N2 được hưởng và đồng ý trả giá trị bằng tiền cho ông H và bà Tú N2.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Huỳnh Văn T3 trình bày: Nguồn gốc phần đất đang tranh chấp thừa kế là của cha mẹ vợ. Vì vậy, mọi vấn đề liên quan đến vụ án này do vợ ông là bà Lý Cẩm V quyết định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Lý Văn U trình bày: Nguồn gốc phần đất đang tranh chấp là của ông bà nội để lại. Vì vậy, mọi vấn đề liên quan đến vụ án này do cha là ông Lý Văn P quyết định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Lý Thu N1 trình bày: Nguồn gốc phần đất đang tranh chấp là của ông bà nội để lại. Vì vậy, mọi vấn đề liên quan đến vụ án này do cha là ông Lý Văn H quyết định.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Bà Châu Mỹ N3, chị Lý Tuyết L1, anh Lý Kết T1, anh Lý Thành L2, anh Lý Phước T2 (Lý Văn P) và anh Lý Phước L3 (Lý Văn L3): Từ khi thụ lý giải quyết vụ án lần 2, Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã tóm tắt nội dung đơn khởi kiện và các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Lý Văn Đ tại Thông báo về việc thụ lý vụ án số 56/TB-TLVA, ngày 27/5/2021 và đã tống đạt hợp lệ cho các đương sự có tên nêu trên được biết nhưng không ai gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã triệu tập hợp lệ các đương sự có tên nêu trên tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hai lần nhưng không ai tham dự, không cung cấp tài liệu chứng cứ, lời khai.

Tại bản án dân sự số 36/2022/DS-PT ngày 14 tháng 7 năm 2022 của Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

1- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lý Văn Đ về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của ông Lý N4 chết để lại là phần đất diện tích theo đo đạc thực tế là 9.865,7m^2, loại đất trồng cây hàng năm (HNK), thuộc một phần thửa số 174, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại khóm 6, phường 1, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 828764 (81913011080) ngày 05/9/2006 do Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Châu (nay là thị xã Vĩnh Châu) cấp cho ông Lý N4 và bà Lâm Thị U1 đứng tên.

2- Công nhận diện tích đất 9.865,7m^2 là di sản thừa kế của cụ Lý N4 có giá trị bằng tiền là 557.118.000đ, phần đất có số đo tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp đất ông Trần Văn Nám, có số đo 52,23m + 40,68m.
- Hướng Tây giáp lộ đất, có số đo 14,9m + 6,29m + 70,03m.
- Hướng Nam giáp đất ông Huỳnh Văn Ní, có số đo 103,74m.
- Hướng Bắc giáp đất bà Lâm Thị U1 (tại thửa số 174), có số đo 112,65m.

3- Di sản của ông Lý N4 là phần đất nêu trên, được chia thành 10 kỷ phần thừa kế cho 10 người gồm: Cụ Lâm Thị U1 và 9 người con gồm: 1- Lý Bửu N; 2- Lý Văn P; 3- Lý Tuyết T; 4- Lý Văn H (V Hao Ly); 5- Lý Văn H; 6- Lý Tú N2 (N2 Tu Ly); 7- Lý Văn S; 8 Lý Cẩm V; 9- Lý Văn Đ, cụ thể như sau:

3.1. Giao cho ông Lý Văn Đ được nhận hiện vật là 03 kỷ phần thừa kế, trong đó gồm: 01 kỷ phần của ông Đ, 01 kỷ phần của ông H và 01 kỷ phần của bà Tú N2, cụ thể như sau:

3.1.1. Giao cho ông Lý Văn Đ kỷ phần thừa kế của nguyên đơn - ông Đ được hưởng thừa kế có số thứ tự là 1, diện tích 986,57m^2, có số đo tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp ông Trần Văn Nám, có số đo 9,61m.

- Hướng Tây giáp lộ đất, có số đo 9,59m.

- Hướng Nam giáp đất ông Huỳnh Văn Ní, có số đo 103,74m.

- Hướng Bắc giáp phần đất được đánh số thứ tự 2.1, có số đo 103,89m.

Trên phần đất ông Đ được hưởng thừa kế, có 01 con lộ xi măng có diện tích ngang 1,56m x dài 103,74m = 162,1m^2 do ông Nám và bà Tỏ xây dựng làm lối đi vào nhà ông Nám và bà Tỏ.

3.1.2. Giao cho ông Lý Văn Đ kỷ phần thừa kế mà ông Lý Văn H (V Hao Ly) được hưởng và có nghĩa vụ trả giá trị bằng tiền đối vối kỷ phần của ông H cho ông H, phần đất được đánh số thứ tự 2.1 diện tích 507,67m^2 và 2.2 diện tích: 478,90m^2, cụ thể gồm:

Phần thứ nhất, có số thứ tự 2.1, diện tích 507,67m^2, có số đo tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp ông Trần Văn Nám, có số đo 4,89m.

- Hướng Tây giáp lộ đất, có số đo 4,89m.

- Hướng Nam giáp phần đất được đánh số thứ tự 1, có số đo 103,89m.

- Hướng Bắc giáp phần đất được đánh số thứ tự 3, có số đo 103,97m.

Phần thứ hai, có số thứ tự 2.2, diện tích 478,90m^2, có số đo tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp ông Trần Văn Nám, có số đo 4,56m.

- Hướng Tây giáp lộ đất, có số đo 4,59m.

- Hướng Nam giáp phần đất được đánh số thứ tự 3, có số đo 104,67m.

- Hướng Bắc giáp phần đất được đánh số thứ tự 4, có số đo 105,13m.

Buộc ông Lý Văn Đ có nghĩa vụ trả cho ông Lý Văn H (V Hao Ly) giá trị bằng tiền kỷ phần thừa kế của ông H với số tiền là 55.711.800đ (*năm mươi lăm triệu, bảy trăm mười một ngàn, tám trăm đồng*).

3.1.3. Giao cho ông Lý Văn Đ kỷ phần thừa kế mà bà Lý Tú N2 (N2 Tu Ly) được hưởng và có nghĩa vụ trả giá trị bằng tiền đối vối kỷ phần của bà N cho bà N, phần đất được đánh số thứ tự 4, diện tích 986,57m^2, có số đo tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp ông Trần Văn Nám, có số đo 9,34m.

- Hướng Tây giáp lộ đất, có số đo 9,36m.

- Hướng Nam giáp phần đất được đánh số thứ tự 2.2, có số đo 105,13m.

- Hướng Bắc giáp phần đất được đánh số thứ tự 5, có số đo 106,31m.

Buộc ông Lý Văn Đ có nghĩa vụ trả cho bà Lý Tú N2 (N2 Tu Ly) giá trị bằng tiền kỷ phần thừa kế của bà N với số tiền là 55.711.800đ (*năm mươi lăm triệu, bảy trăm mười một ngàn, tám trăm đồng*).

3.1.4. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông Lý Văn H và bà Lý Tú N2 có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu ông Lý Văn Đ không trả đủ cho ông Lý Văn H và bà Lý Tú N2 số tiền tương ứng nêu trên, thì ông Lý Văn Đ còn phải trả tiền lãi cho ông H và bà Tú N2 theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

3.2. Giao cho bị đơn – bà Lý Bửu N kỷ phần thừa kế mà bà N được hưởng thừa kế có số thứ tự là 8, diện tích 986,57m^2, có số đo tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp ông Trần Văn Nám, có số đo 8,99m.

- Hướng Tây giáp lộ đất, có số đo 8,97m.

- Hướng Nam giáp phần đất được đánh số thứ tự 7, có số đo 109,51m.

- Hướng Bắc giáp phần đất được đánh số thứ tự 9, có số đo 110,56m.

3.3. Giao cho bị đơn - ông Lý Văn P kỷ phần thừa kế mà ông P được hưởng thừa kế có số thứ tự là 10, diện tích 986,57m^2, có số đo tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp ông Trần Văn Nám, có số đo 9,4m.

- Hướng Tây giáp lộ đất, có số đo 8,22m.

- Hướng Nam giáp phần đất được đánh số thứ tự 9, có số đo 111,60m.

- Hướng Bắc giáp phần đất tại thửa 174 của cụ U1, có số đo 112,65m.

Trên phần đất ông P nhận thừa kế có 01 cây nước của ông P.

3.4. Giao cho bị đơn – ông Lý Văn H kỷ phần thừa kế mà ông H được hưởng thừa kế có số thứ tự là 9, diện tích 986,57m^2, có số đo tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp ông Trần Văn Nám, có số đo 9,15m.

- Hướng Tây giáp lộ đất, có số đo 8,64m.

- Hướng Nam giáp phần đất được đánh số thứ tự 8, có số đo 110,56m.

- Hướng Bắc giáp phần đất được đánh số thứ tự 10, có số đo 111,60m.

Trên phần đất ông H nhận thừa kế có 01 cây nước của ông H.

3.5. Giao cho cụ Lâm Thị U1 kỷ phần thừa kế mà cụ U1 được hưởng thừa kế có số thứ tự là 5, diện tích 986,57m^2, có số đo tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp ông Trần Văn Nám, có số đo 9,26m.

- Hướng Tây giáp lộ đất, có số đo 9,24m.

- Hướng Nam giáp phần đất được đánh số thứ tự 4, có số đo 106,31m.

- Hướng Bắc giáp phần đất được đánh số thứ tự 6, có số đo 107,37m.

Kỷ phần của bà Lâm Thị U1 do ông Lý Văn Đ là người giám hộ do Tòa án chỉ định quản lý, sử dụng. Trong quá trình quản lý, sử dụng kỷ phần của bà Lâm Thị U1 thì ông Lý Văn Đ có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 57, khoản 1 Điều 58 và khoản 1 Điều 59 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3.6. Giao cho bà Lý Tuyết T kỷ phần thừa kế mà bà T được hưởng thừa kế có số thứ tự là 7, diện tích 986,57m^2, có số đo tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp ông Trần Văn Nám, có số đo 9,06m.

- Hướng Tây giáp lộ đất, có số đo 9,08m.

- Hướng Nam giáp phần đất được đánh số thứ tự 6, có số đo 108,44m.

- Hướng Bắc giáp phần đất được đánh số thứ tự 8, có số đo 109,51m.

3.7. Giao cho ông Lý Văn S kỷ phần thừa kế mà ông S được hưởng thừa kế có số thứ tự là 6, diện tích 986,57m^2, có số đo tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp ông Trần Văn Nám, có số đo 9,17m.

- Hướng Tây giáp lộ đất, có số đo 9,15m.

- Hướng Nam giáp phần đất được đánh số thứ tự 5, có số đo 107,37m.

- Hướng Bắc giáp phần đất được đánh số thứ tự 7, có số đo 108,44m.

3.8. Giao cho bà Lý Cẩm V kỷ phần thừa kế mà bà V được hưởng thừa kế có số thứ tự là 3, diện tích 986,57m^2, có số đo tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp ông Trần Văn Nám, có số đo 9,48m.
- Hướng Tây giáp lộ đất, có số đo gồm 6,67m và 2,79m;
- Hướng Nam giáp phần đất được đánh số thứ tự 2.1, có số đo 103,97m.
- Hướng Bắc giáp phần đất được đánh số thứ tự 2.2 số đo 104,67m.

Trên phần đất bà V nhận thừa kế có 01 căn nhà tường do bà V và ông Thuấn xây dựng nhưng chưa hoàn thiện.

(Có sơ đồ kèm theo)

4. Bà Lý Bửu N, ông Lý Văn P và vợ là bà Châu Mỹ N3 cùng các con tên: Lý Tuyết L1, Lý Văn U, Lý Kết T1, Lý Thành L2 cùng ông Lý Văn H và các con tên: Lý Thu N1, Lý Phước T2 (Lý Văn P), và Lý Phước L3 (Lý Văn L3) cùng có nghĩa vụ giao trả đất cho những người được nhận thừa kế quyền sử dụng đất theo đúng nội dung bản án này.

5. Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, để làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tương ứng với diện tích đất được hưởng thừa kế theo nội dung bản án này.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về Chi phí thẩm định, định giá tài sản, án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 26/7/2022, bị đơn - ông Lý Văn P kháng cáo yêu cầu phân chia toàn bộ diện tích đất của cha mẹ ông là 19.942,2 m^2 cho 09 anh em và mẹ ông thành 10 kỷ phần. Sau khi chia phần, trong anh em ai là người nhận trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho mẹ đến lúc qua đời và chịu trách nhiệm thờ cúng ông bà, cha mẹ thì được hưởng thêm kỷ phần của mẹ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông Lý Văn P trình bày kháng cáo cho rằng bà U1 cũng đã già yếu nên yêu cầu Hội đồng xét xử phân chia toàn bộ diện tích đất của ông Nhỏ và bà U1 là 19.942,2 m^2 cho 09 anh em và bà U1 thành 10 kỷ phần. Sau khi phân chia, trong anh em ai là người nhận trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho bà U1 đến lúc qua đời và chịu trách nhiệm thờ cúng ông bà, cha mẹ thì được hưởng thêm kỷ phần của bà U1.

- Các bị đơn khác gồm bà Lý Bửu N và ông Lý Văn H do bà Lý Thu N1 đại diện không kháng cáo, đồng ý với bản án sơ thẩm đã phân chia phần di sản của cụ N4. Đối với phần tài sản của cụ U1 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu kháng cáo của ông P.

- Nguyên đơn - ông Lý Văn Đ và là người giám hộ cho mẹ là bà Lâm Thị U1 không đồng ý với các yêu cầu kháng cáo nêu trên của ông P. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phần tranh luận:

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn - ông P vẫn giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại đơn kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông P.

Nguyên đơn – ông Lý Văn Đ không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông P, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của chủ tọa, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của các đương sự và về nội dung như sau:

+ Về tố tụng: Trong giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Các bên đương sự đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: Các bên đương sự đều thừa nhận tài sản chung của cụ N4 và cụ U1 là quyền sử dụng đất 19.731.4m^2, đã được Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Châu (nay là thị xã Vĩnh Châu) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 828764 ngày 05/9/2006 cho cụ N4 và cụ U1. Như vậy, di sản của cụ N4 là 19.731,4m^2 : 2 = 9.865,7m^2. Các đương sự cũng đều thừa nhận cụ N4 chết năm 2013, không để lại di chúc. Bản án sơ thẩm đã chia di sản của cụ N4 theo pháp luật cho 10 đồng thừa kế là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, yêu cầu kháng cáo của bị đơn - ông Lý Văn P là không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Các đương sự được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa phúc thẩm đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Bà Châu Mỹ N3, chị Lý Tuyết L1, anh Lý Kết T1, anh Lý Thành L2, anh Lý Phước T2 (Lý Văn P) và anh Lý Phước L3 (Lý Văn L3). Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, Tòa án xét xử vắng các đương sự trên.

[2] Về nội dung xét kháng cáo bị đơn – Lý Văn P:

[2.1] Về thời hiệu thừa kế: Cụ Lý N4 mất ngày 07/01/2013. Năm 2021, ông Lý Văn Đ có yêu cầu phân chia di sản thừa kế. Theo quy định tại Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 thời hiệu thừa kế là 30 năm, như vậy việc tranh chấp về di sản thừa kế giữa các bên là trong còn thời hiệu khởi kiện.

[2.2] Về hàng thừa kế: Các đương sự đều thừa nhận: Cụ Lý N4 và cụ Lâm Thị U1 có tất cả 09 người con gồm: 1- Lý Bửu N; 2- Lý Văn P; 3- Lý Tuyết T; 4- Lý Văn H; 5- Lý Văn H; 6- Lý Tú N2; 7- Lý Văn S; 8- Lý Cẩm V; 9- Lý Văn Đ. Ngoài ra những người con trên, cụ N4 và cụ U1 không có con riêng hay con nuôi nào khác. Cụ N4 không có người vợ nào khác ngoài cụ U1. Cha mẹ của cụ N4 đều

đã chết. Lời thừa nhận nêu trên của các đương sự là phù hợp với Trích lục khai tử ngày 24/12/2018 (BL số 34) và Bản tường trình về các mối quan hệ nhân thân của người để lại thừa kế ngày 02/10/2019 có chứng thực của UBND Phường 1, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng cùng ngày 02/10/2019 (BL số 35 và 36).

[2.3] Về di sản thừa kế: Lời khai thống nhất của của các đương sự phù hợp với tài liệu chứng cứ, có cơ sở xác định tài sản chung của cụ N4 và cụ U1 là quyền sử dụng tại thửa đất số 174, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại khóm 6, phường 1, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng diện tích theo đo đạc thực tế 19.731.4m^2, đã được Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Châu (nay là thị xã Vĩnh Châu) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 828764 ngày 05/9/2006 cho cụ N4 và cụ U1 đứng tên.

[2.4] Cụ N4 mất ngày 07/01/2013, không để lại di chúc nên di sản thừa kế của cụ N4 là ½ phần đất trên, tương đương 9.865,7m^2. Do có tranh chấp di sản thừa kế của cụ N4 nên Tòa án cấp sơ thẩm đã chia di sản thừa kế của cụ N4 theo pháp luật là phù hợp các Điều 649, Điều 650 và Điều 651 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.5] Sau khi Tòa án cấp sơ thẩm phân chia di sản của cụ N4 theo pháp luật cho các đồng thừa kế của cụ N4, cụ thể là chia quyền sử dụng đất cho các đồng thừa kế, các đồng thừa kế của cụ N4 không ai kháng cáo (trừ ông P kháng cáo xin xét thêm phần công sức của ông trong việc giữ gìn đất). Tại phiên tòa phúc thẩm các đồng thừa kế của cụ N4 có mặt tại phiên tòa cũng xác định Tòa án cấp sơ thẩm đã phân chia di sản của cụ N4 đúng pháp luật và phù hợp nhu cầu sử dụng đất nên nhất trí với bản án sơ thẩm về phần này.

[2.6] Về việc người đại diện của ông P yêu cầu Tòa án chia quyền sử dụng đất cho ông P nhiều hơn những đồng thừa kế khác vì cho rằng ông P có công sức đóng góp làm tăng giá trị đất. Xét thấy, các đương sự đều thừa nhận phần đất tranh chấp thừa kế là đất nông nghiệp dùng vào việc trồng củ hành là chủ yếu. Bị đơn – ông P có trực tiếp khai thác sử dụng đất và được hưởng thành quả từ việc khai thác, sử dụng đất. Ông P không chứng minh được ông có công sức làm tăng giá trị đất, các đồng thừa kế cũng không đồng ý theo yêu cầu này của ông P. Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông P về việc chia thừa kế cho ông P nhiều hơn các đồng thừa kế khác là đúng pháp luật.

Tại cấp phúc thẩm, phía ông P cũng không cung cấp được thêm tài liệu chứng cứ nào mới chứng minh cho yêu cầu trên. Do đó không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lý Văn P về phần này.

[2] Về kháng cáo của ông P yêu cầu chia thừa kế phần tài sản của mẹ ông là cụ U1 cho các đồng thừa kế, Hội đồng xét xử xét thấy theo qui định tại Điều 611 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về thời điểm mở thừa kế như sau: *"1. Thời điểm mở thừa kế là thời điểm người có tài sản chết. Trường hợp Tòa án tuyên bố một người là đã chết thì thời điểm mở thừa kế là ngày được xác định tại khoản 2 Điều 71 của Bộ luật này"*. Hiện nay cụ Lâm Thị U1 vẫn đang sống nên việc định đoạt tài sản thuộc quyền sử dụng, sở hữu của cụ do cụ quyết định và được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, việc ông P kháng cáo yêu cầu chia thừa kế đối với phần tài sản của cụ Lâm Thị U1 cho các đồng thừa kế là không đúng pháp luật. Bản án sơ thẩm

đã không chấp nhận yêu cầu này của các bị đơn là hoàn toàn có căn cứ. Như vậy, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của ông P.

[3] Từ sự phân tích trên, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông P. Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2022/DS-PT ngày 14 tháng 7 năm 2022 của Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã giải quyết đúng pháp luật cần giữ nguyên.

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đề nghị trên của đại diện Viện kiểm sát là đúng pháp luật, được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông P thuộc trường hợp người cao tuổi, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án xét miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông P.

[6] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị Hội đồng xét xử không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 57, khoản 1 Điều 58 và khoản 1 Điều 59, Điều 609, Điều 611, 612, Điều 613, khoản 1 Điều 623, Điều 649, Điều 650, điểm a khoản 1 Điều 651 và điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 167, điểm đ khoản 1 Điều 179, Điều 188 Luật Đất đai năm 2013; Luật người cao tuổi và điểm đ Điều 12; Điều 14; khoản 6 Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn – ông Lý Văn P.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 36/2022/DS-PT ngày 14 tháng 7 năm 2022 của Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

2.1- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lý Văn Đ về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của ông Lý N4 chết để lại là phần đất diện tích theo đo đạc thực tế là 9.865,7m^2, loại đất trồng cây hàng năm (HNK), thuộc một phần thửa số 174, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại khóm 6, phường 1, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 828764 (81913011080) ngày 05/9/2006 do Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Châu (nay là thị xã Vĩnh Châu) cấp cho ông Lý N4 và bà Lâm Thị U1 đứng tên.

2- Công nhận diện tích đất 9.865,7m^2 là di sản thừa kế của cụ Lý N4 có giá trị bằng tiền là 557.118.000đ, phần đất có số đo tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp đất ông Trần Văn Nám, có số đo 52,23m + 40,68m.
- Hướng Tây giáp lộ đất, có số đo 14,9m + 6,29m + 70,03m.
- Hướng Nam giáp đất ông Huỳnh Văn Ní, có số đo 103,74m.
- Hướng Bắc giáp đất bà Lâm Thị U1 (tại thửa số 174), có số đo 112,65m.

3- Di sản của ông Lý N4 là phần đất nêu trên, được chia thành 10 kỷ phần thừa kế cho 10 người gồm: Cụ Lâm Thị U1 và 9 người con gồm: 1- Lý Bửu N; 2- Lý Văn P; 3- Lý Tuyết T; 4- Lý Văn H (V Hao Ly); 5- Lý Văn H; 6- Lý Tú N2 (N2 Tu Ly); 7- Lý Văn S; 8 Lý Cẩm V; 9- Lý Văn Đ, cụ thể như sau:

3.1. Giao cho ông Lý Văn Đ được nhận hiện vật là 03 kỷ phần thừa kế, trong đó gồm: 01 kỷ phần của ông Đ, 01 kỷ phần của ông H và 01 kỷ phần của bà Tú N2, cụ thể như sau:

3.1.1 Giao cho ông Lý Văn Đ kỷ phần thừa kế của ông Đ được hưởng thừa kế có số thứ tự là 1, diện tích 986,57m^2, có số đo tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp ông Trần Văn Nám, có số đo 9,61m.
- Hướng Tây giáp lộ đất, có số đo 9,59m.
- Hướng Nam giáp đất ông Huỳnh Văn Ní, có số đo 103,74m.
- Hướng Bắc giáp phần đất được đánh số thứ tự 2.1, có số đo 103,89m.

Trên phần đất ông Đ được hưởng thừa kế, có 01 con lộ xi măng có diện tích ngang 1,56m x dài 103,74m = 162,1m^2 do ông Nám và bà Tỏ xây dựng làm lối đi vào nhà ông Nám và bà Tỏ.

3.1.2 Giao cho ông Lý Văn Đ kỷ phần thừa kế mà ông Lý Văn H (V Hao Ly) được hưởng và có nghĩa vụ trả giá trị bằng tiền đối với kỷ phần của ông H cho ông H, phần đất được đánh số thứ tự 2.1 diện tích 507,67m^2 và 2.2 diện tích: 478,90m^2, cụ thể gồm:

Phần thứ nhất, có số thứ tự 2.1, diện tích 507,67m^2, có số đo tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp ông Trần Văn Nám, có số đo 4,89m.
- Hướng Tây giáp lộ đất, có số đo 4,89m.
- Hướng Nam giáp phần đất được đánh số thứ tự 1, có số đo 103,89m.
- Hướng Bắc giáp phần đất được đánh số thứ tự 3, có số đo 103,97m.

Phần thứ hai, có số thứ tự 2.2, diện tích 478,90m^2, có số đo tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp ông Trần Văn Nám, có số đo 4,56m.
- Hướng Tây giáp lộ đất, có số đo 4,59m.
- Hướng Nam giáp phần đất được đánh số thứ tự 3, có số đo 104,67m.
- Hướng Bắc giáp phần đất được đánh số thứ tự 4, có số đo 105,13m.

Buộc ông Lý Văn Đ có nghĩa vụ trả cho ông Lý Văn H (V Hao Ly) giá trị bằng tiền kỷ phần thừa kế của ông H với số tiền là 55.711.800đ (*năm mươi lăm triệu, bảy trăm mười một ngàn, tám trăm đồng*).

3.1.3 Giao cho ông Lý Văn Đ kỷ phần thừa kế mà bà Lý Tú N2 (N2 Tu Ly) được hưởng và có nghĩa vụ trả giá trị bằng tiền đối với kỷ phần của bà N cho bà N, phần đất được đánh số thứ tự 4, diện tích 986,57m^2, có số đo tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp ông Trần Văn Nám, có số đo 9,34m.
- Hướng Tây giáp lộ đất, có số đo 9,36m.
- Hướng Nam giáp phần đất được đánh số thứ tự 2.2, có số đo 105,13m.
- Hướng Bắc giáp phần đất được đánh số thứ tự 5, có số đo 106,31m.

Buộc ông Lý Văn Đ có nghĩa vụ trả cho bà Lý Tú N2 (N2 Tu Ly) giá trị bằng tiền kỷ phần thừa kế của bà N với số tiền là 55.711.800đ (*năm mươi lăm triệu, bảy trăm mười một ngàn, tám trăm đồng*).

3.1.4 Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông Lý Văn H và bà Lý Tú N2 có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu ông Lý Văn Đ không trả đủ cho ông Lý Văn H và bà Lý Tú N2 số tiền tương ứng nêu trên, thì ông Lý Văn Đ còn phải trả tiền lãi cho ông H và bà Tú N2 theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

3.2 Giao cho bị đơn Lý Bửu N kỷ phần thừa kế mà bà N được hưởng thừa kế có số thứ tự là 8, diện tích 986,57m^2, có số đo tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp ông Trần Văn Nám, có số đo 8,99m.
- Hướng Tây giáp lộ đất, có số đo 8,97m.
- Hướng Nam giáp phần đất được đánh số thứ tự 7, có số đo 109,51m.
- Hướng Bắc giáp phần đất được đánh số thứ tự 9, có số đo 110,56m.

3.3 Giao cho bị đơn Lý Văn P kỷ phần thừa kế mà ông P được hưởng thừa kế có số thứ tự là 10, diện tích 986,57m^2, có số đo tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp ông Trần Văn Nám, có số đo 9,4m.
- Hướng Tây giáp lộ đất, có số đo 8,22m.
- Hướng Nam giáp phần đất được đánh số thứ tự 9, có số đo 111,60m.
- Hướng Bắc giáp phần đất tại thửa 174 của cụ U1, có số đo 112,65m.

Trên phần đất ông P nhận thừa kế có 01 cây nước của ông P.

3.4 Giao cho bị đơn Lý Văn H kỷ phần thừa kế mà ông H được hưởng thừa kế có số thứ tự là 9, diện tích 986,57m^2, có số đo tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp ông Trần Văn Nám, có số đo 9,15m.
- Hướng Tây giáp lộ đất, có số đo 8,64m.
- Hướng Nam giáp phần đất được đánh số thứ tự 8, có số đo 110,56m.
- Hướng Bắc giáp phần đất được đánh số thứ tự 10, có số đo 111,60m.

Trên phần đất ông H nhận thừa kế có 01 cây nước của ông H.

3.5 Giao cho cụ Lâm Thị U1 kỷ phần thừa kế mà cụ U1 được hưởng thừa kế có số thứ tự là 5, diện tích 986,57m^2, có số đo tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp ông Trần Văn Nám, có số đo 9,26m.
- Hướng Tây giáp lộ đất, có số đo 9,24m.
- Hướng Nam giáp phần đất được đánh số thứ tự 4, có số đo 106,31m.
- Hướng Bắc giáp phần đất được đánh số thứ tự 6, có số đo 107,37m.

Kỷ phần của bà Lâm Thị U1 do ông Lý Văn Đ là người giám hộ do Tòa án chỉ định quản lý, sử dụng. Trong quá trình quản lý, sử dụng kỷ phần của bà Lâm Thị U1 thì ông Lý Văn Đ có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 57, khoản 1 Điều 58 và khoản 1 Điều 59 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3.6 Giao cho bà Lý Tuyết T kỷ phần thừa kế mà bà T được hưởng thừa kế có số thứ tự là 7, diện tích 986,57m^2, có số đo tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp ông Trần Văn Nám, có số đo 9,06m.

- Hướng Tây giáp lộ đất, có số đo 9,08m.

- Hướng Nam giáp phần đất được đánh số thứ tự 6, có số đo 108,44m.

- Hướng Bắc giáp phần đất được đánh số thứ tự 8, có số đo 109,51m.

3.7 Giao cho ông Lý Văn S kỷ phần thừa kế mà ông S được hưởng thừa kế có số thứ tự là 6, diện tích 986,57m^2, có số đo tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp ông Trần Văn Nám, có số đo 9,17m.

- Hướng Tây giáp lộ đất, có số đo 9,15m.

- Hướng Nam giáp phần đất được đánh số thứ tự 5, có số đo 107,37m.

- Hướng Bắc giáp phần đất được đánh số thứ tự 7, có số đo 108,44m.

3.8 Giao cho bà Lý Cẩm V kỷ phần thừa kế mà bà V được hưởng thừa kế có số thứ tự là 3, diện tích 986,57m^2, có số đo tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp ông Trần Văn Nám, có số đo 9,48m.

- Hướng Tây giáp lộ đất, có số đo gồm 6,67m và 2,79m;

- Hướng Nam giáp phần đất được đánh số thứ tự 2.1, có số đo 103,97m.

- Hướng Bắc giáp phần đất được đánh số thứ tự 2.2 số đo 104,67m.

Trên phần đất bà V nhận thừa kế có 01 căn nhà tường do bà V và ông Thuấn xây dựng nhưng chưa hoàn thiện.

(Có sơ đồ kèm theo)

4. Bà Lý Bửu N, ông Lý Văn P và vợ là bà Châu Mỹ N3 cùng các con tên: Lý Tuyết L1, Lý Văn U, Lý Kết T1, Lý Thành L2 cùng ông Lý Văn H và các con tên: Lý Thu N1, Lý Phước T2 (Lý Văn P), và Lý Phước L3 (Lý Văn L3) cùng có nghĩa vụ giao trả đất cho những người được nhận thừa kế quyền sử dụng đất theo đúng nội dung bản án này.

5. Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, để làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tương ứng với diện tích đất được hưởng thừa kế theo nội dung bản án này.

6. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Cụ Lâm Thị U1, bà Lý Bửu N, ông Lý Văn P, bà Lý Tuyết T và ông Lý Văn H được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm do thuộc đối tượng là người cao tuổi.

- Ông Lý Văn Đ phải chịu 2.785.590đ (*hai triệu, bảy trăm tám mươi năm ngàn, năm trăm chín mươi đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ số tiền tạm ứng mà ông Đ đã nộp 2.492.000đ *(hai triệu, bốn trăm chín mươi hai nghìn đồng)* theo Biên lai thu số 0001423, ngày 09/10/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, ông Đ phải nộp thêm tiền án phí sơ thẩm là 2.785.590đ - 2.492.000đ = 293.590đ (*hai trăm chín mươi ba ngàn, năm trăm chín mươi đồng*).

- Ông Lý Văn H, bà Lý Tú N2, ông Lý Văn S và bà Lý Cẩm V mỗi người phải chịu 2.785.590đ (*hai triệu, bảy trăm tám mươi năm ngàn, năm trăm chín mươi đồng*) tiền án phí sơ thẩm.

7. Chi phí thẩm định, định giá tài sản, tổng cộng là 22.940.000đ (*hai mươi hai triệu, chín trăm bốn mươi ngàn đồng*). Nguyên đơn Đẹt đã nộp 16.270.000đ (*mười sáu triệu, hai trăm bảy mươi nghìn đồng*) và người liên quan Vân đã nộp 6.670.000đ (*sáu triệu, sáu trăm bảy mươi nghìn đồng*). Nguyên đơn – ông Lý Văn

Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà V tự nguyện chịu số tiền họ đã nộp nêu trên. Nguyên đơn – ông Đ và người liên quan – bà V đã nộp đủ và đã sử dụng hết cho việc định giá tài sản.

8. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lý Văn P là người cao tuổi được xét miễn án phí dân sự phúc thẩm.

9. Trường hợp bản án, quyết định thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

10. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
– Tòa án nhân dân tối cao (1);
– VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh (1);
– TAND tỉnh Sóc Trăng (1);
– VKSND tỉnh Sóc Trăng (1);
– Cục THADS tỉnh Sóc Trăng (1);
– Các đương sự;
– Lưu: hồ sơ (1),VP(3), 30b (PMT);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Hoa

[